TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ – ST
Ngày 08 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tám - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".
Hiện đang tạm trú: thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc
Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2019 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn H kết hôn ngày 06 tháng 10 năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau

khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H ở tổ dân phố T, thị trấn T, huyện B. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chị sống hòa thuận, bình thường thi thoảng vợ chồng có xảy ra va chạm, cãi nhau xong lại thôi. Đến tháng 9 năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tuy không cãi đánh chửi nhau nhưng anh H luôn nghi ngờ không tin tưởng chị trong chuyện tình cảm nên tỏ thái độ ghen tuông, vợ chồng không hề tâm sự, chia sẻ gì với nhau, cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng mệt mỏi, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu tháng 6/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để cả hai có cơ hội tạo lập cuộc sống mới.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Hà Văn H, sinh ngày 11/01/2009 và cháu Hà Việt A, sinh ngày 03/4/2015. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A. Anh H chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu H; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H trình bày:

Về tình cảm: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời điểm dăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống với nhau cũng như nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật vì anh là người theo đạo thiên chúa giáo không được ký văn bản ly hôn. Tại phiên tòa anh không đồng ý ly hôn anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị H là đúng. Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Hà Văn H, sinh ngày 11/01/2009 và cháu Hà Việt A, sinh ngày 03/4/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân thị trấn T, cho biết: Chị Lê Thị H và anh Hà Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 06 tháng 10 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh H chung sống cùng gia đình nhà anh H ở tổ dân

phố T, thị trấn T, huyện B. Quá trình chung sống, địa phương thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng năm 2018 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hà Văn H; giao con chung là Hà Văn H, sinh ngày 11/01/2009 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Hà Việt A, sinh ngày 03/4/2015 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Hà Văn H và xin được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Hà Văn H hiện đang cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị H và anh Hà Văn H đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn T thể hiện anh H và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 06 tháng 10 năm 2007, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, mặt khác do không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày đặc biệt là trong hệ tình cảm nên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ cuối năm 2018. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị H đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với anh H; anh H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày anh là người theo đạo thiên chúa giáo không được ký văn bản thỏa thuận ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật. Tại phiên tòa anh H xin

được đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Xét, việc anh H xin đoàn tụ là không có căn cứ vì bản thân anh H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, trong thời gian vợ chồng ly thân anh H cũng không chủ động để vợ chồng gặp nhau nói chuyện và tác động đến hai bên gia đình hòa giải, mà trong thời gian này anh, chị không hề quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về nuôi con chung: Chị H và anh H có hai con chung là cháu Hà Văn H, sinh ngày 11/01/2009 và cháu Hà Việt A, sinh ngày 03/4/2015. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Anh để anh H chăm sóc nuôi dưỡng cháu H; Anh H đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh H là hoàn toàn tự nguyện, hiện tại chị H làm công nhân thu nhập khoảng 8 triệu đồng/ 1tháng; anh H làm nghề tự do thu nhập từ 09 đến 10 triệu đồng/ 1 tháng. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa anh H, chị H đều chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, hiện tại cháu H đã 10 tuổi, cháu A đã 4 tuổi, xét thấy cả anh H và chị H đều có đủ điều kiện được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu nên cần giao cho anh H và chị H mỗi người chăm sóc một cháu và giao anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, đây cũng là nguyện vọng của cháu H xin được ở cùng anh H; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị H và anh H không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo qui định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Hà Văn H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Văn H, sinh ngày 11/01/2009 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hà Việt A, sinh ngày 03/4/2015 cho chị

H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2014/0003490 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Lan